

PHÉP BỐ TÁT

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bảy giờ, chín mười sáu loại người xuất gia đều cử hành Bố-tát, mà Tỳ-kheo không Bố-tát. Vì thế, bị người đời chê bai:

- Vì sao chín mười sáu loại người xuất gia đều có Bố-tát mà Sa-môn Thích tử không Bố-tát?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Như thế thật đáng bị người ta chê trách. Từ nay về sau phải Bố-tát, gồm các việc:

1. Đọc kệ.
2. Ngày mười bốn ngày mười lăm.
3. Chỉ chỗ Bố-tát.
4. Bố-tát ban ngày.
5. Trong nhà.
6. Giặc cướp.
7. Vua.
8. A-na-luật.
9. Hai cách đếm.
10. Không tụng thuộc.
11. Không tụng thuộc tất cả.
12. Thuận nghịch.
13. Muốn nghe từ đầu.
14. Người chưa thọ cụ túc.
15. Tụng giới sớm quá.
16. Một trú xứ.
17. Hai chúng.
18. Hai chúng đã tụng, hai chúng chưa tụng.
19. Gửi dục.
20. Nhận dục.
21. Gửi dục nhiều.
22. Gửi dục bằng.
23. Cù-sư-la.
24. Đại-ái-đạo.
25. Xiển-đà.
26. Bệnh.
27. A-luyện-nhã.
28. Không nên cho mà cho.
29. Sông A-chi-la.
30. Mười một việc không được gọi là gửi dục: Chuyển dục; gửi dục ban đêm; ở ngoài giới; Tỳ-kheo-ni; người chưa thọ cụ túc; Nhận dục

rồi ra đi; gởi dục rồi ra đi; Nhận dục rồi trả giới; gởi dục rồi trả giới; mất dục; phá hoại chúng.

31. Bốn cách BỐ-tát.

32. Bốn cách tụng giới.

33. Bảy việc nên ngăn cản.

34. Hai việc nên ngăn cản.

1. Đọc kệ:

Phật nói với các Tỳ-kheo:

1. Đức Phật Tỳ Bà Thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì

chúng Tăng tịch tĩnh, nói giới bản đầu tiên:

“Nhẫn, khổ hạnh bậc nhất,

Niết-bàn, đích tối thượng.

Tu hành còn hại người,

Không thể gọi Sa-môn”.

2. Đức Phật Thi Khí Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng

Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Ví như người sáng mắt,

Tránh được đường nguy hiểm.

Bậc thông minh trên đời,

Tránh được mọi điều ác”.

3. Đức Phật Tỳ Xá Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng

Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Không nói dối, hại người,

Vâng hành theo giới pháp.

Ăn uống có điều độ,

Thường thích nơi thanh vắng.

Tâm thanh tịnh chuyên cần,

Đó là lời Phật dạy”.

4. Đức Phật Câu Lưu Tôn Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì

chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Tỳ-kheo vào thôn xóm,

Như ong đi tìm hoa.

Lấy mật rồi bay đi,

Không hại gì hương sắc.

Không nhìn việc người khác,

Xem có làm hay không.

Chỉ xét hành vi mình,

Có tốt hay không tốt”.

5. Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến

Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Muốn tâm mình tốt chớ buông lung,

*Pháp thiện Thánh nhân luôn gắng học.
Những người trí tuệ tâm chuyên chú,
Khổ não ưu sầu dứt tuyệt ngay”.*

6. Đức Phật Ca Diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Không làm các việc ác,

Tuân hành các hạnh lành.

Giữ tâm ý trong sạch,

Chư Phật dạy như vậy”.

7. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

“Lành thay gìn giữ thân,

Gìn giữ miệng cũng vậy.

Lành thay giữ tâm ý,

Giữ vẹn toàn tất cả.

Tỳ-kheo giữ tất cả,

Át xa lìa khổ não.

Tỳ-kheo giữ miệng ý

Thân không làm điều ác,

Ba nghiệp đều thanh tịnh,

Sẽ đạt được Thánh quả”.

Đó gọi là đọc kệ khi Bố-tát.

2. Ngày mười bốn, ngày mười lăm:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, đệ tử đồng hành của Tôn giả A-nan đang hành Ma-na-đỏa, Tôn giả bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử đồng hành của con muốn đến một căn lều nhỏ ở thôn xóm để hành Ma-na-đỏa vào ngày mười bốn.

Phật nói với A-nan:

- Hôm nay nhằm ngày mười bốn tinh tú thuận hòa, thời tiết thuận hòa, Tăng chúng thuận hòa, nên Bố-tát xong rồi mới đi.

Ngày mười bốn: Lần Bố-tát thứ ba và thứ bảy của mùa Đông, lần Bố-tát thứ ba và thứ bảy của mùa Xuân và lần Bố-tát thứ ba, thứ bảy của mùa Hạ.

Ngày mười lăm: Gồm có mười tám lần Bố-tát. Trong một năm có hai mươi bốn kỳ Bố-tát, sáu kỳ vào ngày mười bốn và mười tám kỳ vào ngày mười lăm.

Đó gọi là Bố-tát ngày mười bốn, ngày mười lăm.

3. Chỉ chỗ Bố-tát:

Khi Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo không biết chỗ Bố-tát, nên có người thì được Bố-tát, có

người thì không. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Nên làm yết-ma chỉ rõ chỗ Bố-tát trong núi Kỳ-xà-quật.

Người làm yết-ma nên bạch:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Nếu thời gian của Tăng đã đến, kể từ hôm nay Tăng dùng nơi này trong núi Kỳ-xà-quật làm chỗ Bố-tát thường xuyên. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay dùng nơi này trong núi Kỳ-xà-quật làm chỗ Bố-tát thường xuyên. Các đại đức nào bằng lòng Tăng dùng nơi này làm chỗ Bố-tát thường xuyên thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng dùng nơi này làm chỗ Bố-tát thường xuyên, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là chỉ chỗ Bố-tát.

4. Bố-tát ban ngày:

Khi Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo Bố-tát vào ban đêm. Vì đường xá hiểm trở, triền dốc khó đi, đến nơi Bố-tát cực khổ, các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Có thể Bố-tát ban ngày được không?

Phật dạy:

- Được. Nếu Bố-tát ban ngày mà Tăng ở xa thì nên tuyên bố: “Thưa các Trưởng lão, kỳ này Tăng sẽ Bố-tát vào ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, hoặc trước bữa ăn, hoặc sau bữa ăn, vào lúc bóng mặt trời chùng ấy, phải tập họp tại chỗ chỗ chỗ, hoặc tại giảng đường, phòng Thiền, phòng sưởi, dưới gốc cây (để Bố-tát)”. Nếu không tuyên bố thì phạm tội Việt-tỳ-ni”. Đó gọi là Bố-tát ban ngày.

5. Nhà:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy vua A-xà-thế làm nhà Bố-tát trong núi Kỳ-xà-quật, rồi trang trí bằng các cánh sen dát vàng. Sau khi Tăng ngồi xong, Đức Thế Tôn mới đến ngồi. Các Tỳ-kheo vào hết, chuẩn bị Bố-tát, thì bỗng dưng một cánh hoa sen dát vàng rơi xuống đất. Lúc ấy, một ác Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, bèn lấy cánh sen kẹp dưới nách. Vì Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi lâu mà không Bố-tát nên Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, quỳ gối, chấp tay bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, Tăng ngồi lâu mỗi một, kính xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà thuyết giới Bố-tát.

Khi ấy, Thế Tôn im lặng. Tình hình như thế kéo dài sang nửa đêm rồi đến cuối đêm, Tôn giả lại bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn rạng đông đã xuất hiện, chúng Tăng ngồi lâu,

kính xin Thế Tôn thuyết giới Bồ-tát.

Phật liền nói với A-nan:

- Chúng Tăng không thanh tịnh.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-liên suy nghĩ:

- Vì ai mà Thế Tôn nói rằng chúng Tăng không thanh tịnh?

Đoạn, Mục-liên nhập định, liền thấy được ác Tỳ-kheo đang ngồi xếp ro trong chúng. Tôn giả bèn từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ vị ấy, dùng tay trái nắm cổ lôi đến cửa, rồi dùng tay phải đẩy ra, nói: - Này ác Tỳ-kheo, từ hôm nay ông không phải là Sa-môn, không phải là Tỳ-kheo, không được ở trong chúng nữa.

Sau khi thầy đuổi đi, Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép lôi người đi.

Rồi Phật nói với A-nan:

- Từ nay về sau, các thầy hãy tự tụng giới. Vì sao vậy? Vì Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri không tụng giới cho một chúng không thanh tịnh. Này A-nan, trong pháp luật của Như Lai cũng giống biển lớn có tám việc chưa từng có, như trong Tuyến Kinh đã nói rõ. Do thế, các đệ tử của ta thấy rồi, liền sinh tâm thích thú. Đó gọi là nhà.

6. Giặc cướp:

Khi Phật an trú tại núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo Bồ-tát tụng giới. Khi tụng đến phần cuối của Ba-dạ-đề, đọc: “Cắt bỏ rồi Ba-dạ-đề, phá bỏ rồi Ba-dạ-đề, lôi ra rồi Ba-dạ-đề”, thì bọn cướp đến. Người tụng giới liền im lặng. Bọn cướp đứng một lát rồi bỏ đi. Người tụng giới lại tiếp tục; như vậy đến ba lần. Bọn cướp suy nghĩ: “Đây là ác Sa-môn, nên nói như sau: Cắt bỏ, phá bỏ, lôi ra rồi Ba-dạ-đề. Họ đang định cắt chúng ta, phá chúng ta, lôi chúng ta đây”, bèn xông vào đánh các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, hay là bọn cướp vừa rồi đã nghe tụng giới? Thế rồi, họ đem sự kiến ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Giặc cướp là vua ở trong rừng, chúng có thể làm những việc bất lợi, vì sao các ông lại tụng lại những lời cũ? Từ nay về sau khi Tỳ-kheo Bồ-tát tụng giới mà có giặc cướp đến thì Ta cho phép được đọc sang kinh khác, hoặc là kinh Ba-la-diên, hoặc kinh Bát bạt-kỳ, hoặc kệ Mâu Ni, hoặc kinh Pháp Cú.

Nếu giặc cướp biết phép tắc của Tỳ-kheo, nói: “Này Sa-môn, chúng tôi đã biết rồi”, thì hãy tụng tiếp giới đã tụng trước. Khi ấy, Tỳ-kheo nên tụng gấp, khiến không thể phân biệt được chương cú, để cho

bọn chúng không biết là đoạn đầu, đoạn giữa hay đoạn cuối. Nếu tụng lại những lời cũ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là giặc cướp.

7. Vua:

Khi Phật an trú tại vườn Kỳ-xà Am-bà-la nơi thành Vương xá, như trong kinh Sa Môn đã nói rõ, cho đến tự nhủ:

- Không biết có thể tụng giới trước nhà vua hay không?

Rồi họ đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Vua có thể làm những việc bất lợi.

Như trong trường hợp giặc cướp ở trên đã nói rõ. Đó gọi là vua.

8. A-na-luật:

Khi Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật, nơi thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo làm yết-ma Bố-tát thì Tôn giả A-na-luật không đến. Các Tỳ-kheo bèn cho sứ giả đến gọi:

- Thưa Trưởng lão A-na-luật, các Tỳ-kheo đang vân tập định làm yết-ma Bố-tát.

Thầy đáp:

- Đức Thế Tôn dạy rằng thanh tịnh tức là Bố-tát. Kẻ thanh tịnh trong đời này chính là tôi đây. Tôi không đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Ông hãy đi gọi A-na-luật lại đây. Nhưng không được dùng Thiên nhân mà đến.

Vì Trưởng lão này đã hỏng nhục nhãn nên phải vượt qua núi non hiểm trở đến một cách cực khổ.

Phật liền nói với A-na-luật:

- Ông không tôn kính Bố-tát thì ai sẽ tôn kính? Từ nay về sau, khi Bố-tát thì tất cả đều phải đến. Nếu không đến, hoặc bị bệnh mà không gửi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là A-na-luật.

9. Hai cách đếm:

Khi ấy, Phật hỏi Ưu-ba-ly:

- Ông tụng giới được không?

- Bạch Thế Tôn! Tụng được, nhưng những câu chi li rất khó ghi nhớ.

- Nên làm thẻ đếm để mà tụng.

Thế rồi, Ưu-ba-ly liền làm thẻ đếm mỗi khi tụng. Phật lại hỏi:

- Ông có làm thẻ để đếm mỗi khi tụng giới không?

- Bạch Thế Tôn! Khi tụng những câu chi li con có đếm thẻ, nhưng cũng khó nhớ.

- Từ nay về sau hãy làm hai loại thẻ, một loại năm trăm và một loại bảy trăm. Khi muốn tụng, phải rửa tay sạch rồi cầm thẻ bỏ xuống đếm đến năm, lại rửa tay nữa. Nếu còn thẻ thì phải dùng nước thơm để rửa. Người khác muốn cầm thẻ cũng phải như vậy.

Đó gọi là hai cách đếm.

10. Không tụng thuộc:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trong thôn có các Tỳ-kheo đang sống, khi Tăng vân tập sắp làm yết-ma Bố-tát, liền thưa với Thượng tọa:

- Xin Thượng tọa tụng giới.

Thầy đáp:

- Tôi không thuộc.

Vị thứ hai, thứ ba cũng thế, cho đến Hạ tọa cũng nói như thế. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau, thọ cụ túc rồi nên đọc hai bộ Luật. Nếu không thể đọc cả hai bộ thì nên đọc một bộ. Nếu cũng không thể đọc được thì nên đọc năm thiên giới. Nếu cũng không thể đọc được thì nên đọc bốn, ba, hai hay một thiên. Khi Bố-tát nên đọc rộng năm bộ Diên Kinh. Nếu có nhân duyên không thể đọc được, thì nên đọc bốn, ba, hai hay một, cho đến bốn Ba-la-di và các bài kệ, (rồi nói) các phần khác như Tăng đã thường nghe. Nếu Bố-tát mà không tụng giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Giả như cả chúng đều không có ai tụng thuộc, thì nên bảo Thượng tọa ra ngoài giới trường, tâm nghĩ, miệng nói:

- Kẻ dư thừa khi Bố-tát.

Rồi ba người còn lại trong giới trường nói ba lần Bố-tát. Làm như vậy là phạt Thượng tọa. Đó gọi là không tụng thuộc.

11. Không tụng thuộc tất cả:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đang ở trong thôn xóm tập họp định Bố-tát, liền thưa với Thượng tọa:

- Xin Thượng tọa hãy tụng giới.

Thầy đáp:

- Tôi chỉ tụng thông thạo có một thiên.

Tăng lại thưa Thượng tọa thứ hai, thì thầy đáp:

- Tôi chỉ tụng thuộc có hai thiên.

Như vậy, mỗi người chỉ tụng thuộc có một thiên, họ bèn tuần tự

tụng mỗi người một thiên để Bố-tát. Nhưng khi Bố-tát xong sinh nghi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, ta không cho phép cùng lần lượt tụng để Bố-tát. Nếu gặp trường hợp như thế thì cùng ủy thác cho một người Thông minh tụng thuộc để tụng. Khi tụng đến chỗ nào mà quên, thì người khác được tụng tiếp. Nếu phối hợp nhau lần lượt tụng để Bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không tụng thuộc tất cả.

12. Tụng xuôi, tụng ngược:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có các Tỳ-kheo đang sống trong thôn xóm, vân tập Bố-tát. Có một Tỳ-kheo tụng thuộc giới bản xuôi và ngược. Thấy bắt đầu tụng từ bài tựa cho đến pháp tùy thuận, rồi tụng ngược từ pháp tùy thuận lên giới bản để Bố-tát. Nhưng khi Bố-tát xong tâm sinh nghi ngờ, các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép tụng ngược mà phải tụng xuôi. Nếu lúc tụng mà lỡ quên thì được tụng bổ khuyết. Người nào tụng xuôi rồi tụng ngược để Bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là tụng xuôi, ngược.

13. Muốn nghe từ đâu:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo vân tập Bố-tát, tụng giới bản cho đến pháp tùy thuận thì có Tỳ-kheo khách tới, nói:

- Thưa Trưởng lão, tôi sống trong xóm làng này mà chưa từng nghe tụng giới bản đầy đủ, xin Trưởng lão tụng đầy đủ cho tôi nghe.

Người tụng bèn đọc lại từ bài tựa của giới cho đến pháp tùy thuận. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

- Vì sao các ông tụng lại giới bản cho người muốn nghe lại từ đâu? Từ nay về sau ta không cho phép làm như thế. Nếu Tỳ-kheo Tăng vân tập Bố-tát tụng giới đến pháp tùy thuận mà có Tỳ-kheo khách đến rồi vào ngồi nghe, tức được gọi là Bố-tát. Nếu Tỳ-kheo khách nói: “Tôi sống trong xóm làng này mà chưa từng nghe tụng giới bản đầy đủ, xin Trưởng lão tụng đầy đủ cho tôi nghe”, thì hãy đợi Tăng giải tán rồi hãy tụng cho vị ấy. Nếu Tăng chưa giải tán mà tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là muốn nghe từ đâu.

14. Chưa thọ cụ túc:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo nói cho người

chưa thọ cụ túc về năm thiên tội từ tội Ba-la-di, đến tội Việt-tỳ-ni. Sau đó, vị Tỳ-kheo ấy vào thôn xóm, người thế tục nói:

- Trưởng lão, thầy phạm tội Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni.

Các Tỳ-kheo nghe thế lấy làm xấu hổ, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

- Vì sao các ông lại nói giới bản năm Thiên tội cho người chưa thọ cụ túc nghe? Từ nay về sau ta không cho phép đem nói với người chưa thọ cụ túc. Chỉ được nói: “Ông không được làm điều phi phạm hạnh, không được trộm cắp, không được sát sinh, không được nói dối v.v...”, như vậy mà thôi. Nếu ai đem nói tên của năm Thiên tội thuộc giới bản cho người chưa thọ cụ túc nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chưa thọ cụ túc.

15. Tụng giới quá sớm:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm, sáng sớm thức dậy liền Bố-tát. Khi làm xong, có Tỳ-kheo khách đến, nói:

- Trưởng lão hãy đến cùng tôi Bố-tát.

Thầy đáp:

- Tôi đã Bố-tát rồi.

Tỳ-kheo khách nói:

- Trưởng lão Bố-tát như thế là quá sớm.

Rồi thầy đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau không nên Bố-tát quá sớm. Nếu một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm thì đến ngày Bố-tát nên quét tháp và trú xứ của Tăng.

Nếu có người đến thì dùng nước hoa rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn, đợi Tỳ-kheo khách đến rồi cùng nhau Bố-tát. Nếu không có Tỳ-kheo khách đến mà bản thân mình có tội thì nên suy nghĩ: “Nếu gặp được Tỳ-kheo thanh tịnh thì sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp”.

Sau khi nghĩ thế xong, nên tâm niệm, miệng nói:

- Hôm nay ngày mười lăm, Tăng Bố-tát, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp thanh tịnh thọ Bố-tát.

Nói như vậy ba lần. Nếu khi Bố-tát xong mà có Tỳ-kheo khách đến, thì vị này nên nói lời tùy hỷ: Trưởng lão đã Bố-tát, tôi là Mỗ giáp xin tùy hỷ.

Nếu không thể tùy hỷ thì phải ra ngoài cương giới Bố-tát. Nếu ai Bố-tát lúc sáng sớm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là Bố-tát quá sớm.

16. Một trú xứ:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đang đi trên đường, vì trời u ám, tưởng trời đã tối nên vào trú xứ của Tỳ-kheo trong thôn Bố-tát. Khi Bố-tát xong thì trời quang tạnh, thấy mặt trời hãy còn sớm, các Tỳ-kheo thầm nghĩ: “Chúng ta nên ra đi”. Khi họ đi rồi, bỗng chốc chúng thứ hai lại đến. Thế rồi, họ Bố-tát tại đó, đồng thời nghỉ đêm luôn ở đây đến sáng hôm sau mới đi. Lúc đi trên đường bèn gặp nhóm Tỳ-kheo Bố-tát trước, liền hỏi:

- Thưa Trưởng lão, đêm rồi Trưởng lão nghỉ ở đâu?
- Nghỉ tại chỗ xứ.
- Vậy chứ Bố-tát nơi nào?
- Tại chỗ xứ.
- Chúng tôi cũng Bố-tát tại nơi đó.

Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau tại một chỗ không được Bố-tát hai lần. Nếu Tỳ-kheo đi xa, đến ngày Bố-tát vào trú xứ của Tỳ-kheo trong thôn để Bố-tát, thì lúc Bố-tát xong không được im lặng bỏ đi, mà phải dặn lại Sa-di, hoặc người làm vườn, hoặc kẻ chăn bò: “Nếu có Tỳ-kheo đến thì nên nói cho họ biết rằng ở đây đã có Bố-tát rồi”.

Nếu không có ai cả thì nên viết nơi cột hay cánh cửa, hoặc rải hoa làm dấu. Nếu mình đến sau thì nên hỏi, nên tìm dấu vết, không được Bố-tát liền. Nếu đoàn người trước không dặn, không làm dấu, đoàn người sau không hỏi, không tìm dấu vết, thì cả hai đều phạm tội Việ-tỳ-ni. Đó gọi là một trú xứ.

17. Hai chúng:

Nếu hai chúng Tỳ-kheo khách đến, một chúng Bố-tát vào ngày mười bốn, một chúng Bố-tát vào ngày mười lăm, vậy thì nên theo ai?

- Nên theo chúng đến trước.

Nếu hai chúng cùng vào một lúc thì nên theo chúng có Thượng tọa. Nếu không phân biệt lớn nhỏ được thì nên theo người giữ luật.

Nếu hai chúng cùng có người giữ luật như nhau thì nên theo chúng nào ngõ lời trước, hoặc là ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, nên theo họ Bố-tát. Đó gọi là hai chúng.

18. Cả hai đều đã tụng, cả hai đều chưa tụng:

Khách Tỳ-kheo Bố-tát ngày mười bốn, còn cựu Tỳ-kheo Bố-tát ngày mười lăm. Nếu khách Tỳ-kheo đến chỗ cựu Tỳ-kheo, cựu Tỳ-kheo nói với khách Tỳ-kheo: “Thưa Trưởng lão, chúng ta cùng hợp tác

Bố-tát”, thì lúc đó, khách Tỳ-kheo không được nói: “Chúng tôi đã Bố-tát xong”, (rồi ở yên trong trú xứ), mà nên đi ra ngoài cương giới để giữ tính chất hòa hợp.

Nếu cựu Tỳ-kheo Bố-tát ngày mười bốn, khách Tỳ-kheo Bố-tát ngày mười lăm mà khách Tỳ-kheo nói: “Trưởng lão, hãy Bố-tát”, thì cựu Tỳ-kheo nên nói:

- Chúng tôi đã Bố-tát rồi.

Lúc ấy, khách Tỳ-kheo nên nói lời tùy hỷ:

- Trưởng lão đã Bố-tát rồi, chúng tôi xin tùy hỷ.

Nếu không tùy hỷ thì nên ra ngoài cương giới Bố-tát. Đó gọi là cả hai đều đã tụng hoặc cả hai đều chưa tụng.

19. Gửi dục:

Khi chúng Tăng vân tập Bố-tát, thì có một Tỳ-kheo vì việc y bát không đến dự được, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, Ta cho phép gửi dục. Người gửi dục nên nói thế này:

- Xin Trưởng lão hãy lắng nghe. Hôm nay (hoặc ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm) chúng Tăng Bố-tát, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp xin gửi dục Bố-tát thanh tịnh. Xin Trưởng lão hãy nói giúp tôi. (Nói như vậy ba lần).

Khi gửi dục, không được gửi cho người mù mờ, mà nên gửi cho người có thể nhận dục vào giữa chúng Tăng nói rành mạch. Nếu vì bận việc y bát mà lúc Bố-tát không gửi dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là gửi dục.

20. Nhận dục:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo Tăng vân tập làm yết-ma Bố-tát, thì có một Tỳ-kheo đang bệnh và lo việc y bát, gửi dục cho Tỳ-kheo khác, nhưng vị này không nhận. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau phải nhận dục. Khi nhận dục phải tự suy nghĩ xem mình có thể truyền dục được không. Không được nhận dục nhiều người, chỉ nhận tối đa ba người. Khi gửi dục, nên nói như sau: Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay chúng Tăng Bố-tát, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp xin gửi dục Bố-tát thanh tịnh.

Nếu quên tên thì nên nhớ số tuổi, rồi nói:

- Vị Tỳ-kheo chừng ấy tuổi.

Nếu đó là Tỳ-kheo khách thì nói là khách; bệnh thì nói là bệnh,:

- Tỳ-kheo... gởi dục Bố-tát thanh tịnh.

Nếu ai đang bệnh và lo việc y bát gởi dục mà không nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là nhận dục.

21. Gởi dục nhiều:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng Bố-tát, những người gởi dục thì nhiều mà những người tập họp thì ít. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép khi Bố-tát mà những người gởi dục thì nhiều, còn những người tập họp thì ít. Nếu Bố-tát trong trường hợp ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là gởi dục nhiều.

22. Gởi dục bằng số người kia:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng Bố-tát, thì số người gởi dục bằng số người tập họp làm Bố-tát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép làm Bố-tát mà số người gởi dục bằng số người tập họp. Số người tập họp phải nhiều hơn, nếu bằng số người gởi dục mà Bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là số người gởi dục bằng số người tập họp.

23. Cù-sư-la:

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la ở Câu-diêm-di, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng vân tập Bố-tát, vị làm yết-ma xử đoán nói lớn tiếng, cư sĩ Cù-sư-la nghe thế bèn đi vào giới trường. Tăng liền im lặng. Chốc lát, ông ta bước ra, thì Tăng tiếp tục giải quyết sự việc lại nói lớn tiếng như trước. Đến ba lần như vậy, rồi cư sĩ thâm nghĩ: “Khi ta vào thì im lặng, khi ta ra thì lại lớn tiếng, giờ ta hãy vào mà không trở ra nữa”, như trường hợp Cù-sư-la hỏi Tôn giả A-nan, mà trong Lục Nhập Diên Kinh đã nói rõ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Nếu đó là người có đức hạnh cao quý muốn nghe chúng Tăng giải quyết công việc thì nên để cho ông ta nghe. Đồng thời, nếu trong chúng có người tài giỏi, nói năng lưu loát, giải quyết sự việc phân minh thì cứ tự nhiên tiến hành. Trái lại, nếu giải quyết sự việc trước kẻ phàm phu tầm thường thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là Cù-sư-la cư sĩ.

24. Đại-ái-đạo:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Đại-ái-đạo Cù-đàm-di gởi dục mà Tỳ-kheo không nhận. Thế rồi, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đi đến

chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi đứng hầu một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo không nhận dục con gửi thì ai nhận?

Bấy giờ, Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp cho Đại-ái-đạo Cù-đàm-di khiến bà sinh tâm hoan hỷ, bèn cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi cáo lui. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Tỳ-kheo-ni gửi dục thì nên nhận. Nếu mình là Thượng tọa thì nên nói:

- Tôi là Thượng tọa của chúng Tăng nên không nhận dục.

Hoặc là người dạy bảo Ni, hoặc là người tụng giới thì phải tự trình bày rõ, không nên nhận dục. Nếu là người coi phòng, người có bệnh thì nên nói:

- Tôi không đến trong Tăng, nên gửi dục người khác.

Trái lại nếu nói: “Tôi là Tỳ-kheo khát thực, tôi là người ở A-luỵen-nhã, tôi là người mặc y phẩn tảo, tôi là hàng đại đức, rồi không nhận dục”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu nói: “Tôi là Thượng tọa, là người dạy bảo Ni, là người tụng giới”, rồi không nhận dục, thì không có tội. Đó gọi là Cù-đàm-di Đại-ái-đạo.

25. Xiển-đà:

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la ở Câu-diệ-m-di, lúc ấy Tăng vân tập Bố-tát, thì Tỳ-kheo Xiển-đà không chịu đến. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn, rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Trường hợp ấy phạm vào tội gì?

Phật dạy:

- Phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu Bố-tát mà Tỳ-kheo không chịu đến như thế thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu vì việc y bát nên không đến mà không gửi dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

26. Bị bệnh:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc Tỳ-kheo vân tập định Bố-tát thì có một Tỳ-kheo bệnh phong lên cơn động kinh, bèn nói với người ở phòng bên cạnh:

- Thưa Trưởng lão, tôi bị bệnh phong đang lên cơn, xin gửi dục thanh tịnh cho Trưởng lão.

Nhưng Tỳ-kheo ấy không nhận, thầy bèn đi đến trước Thượng tọa,

cởi dép, quỳ gối chấp tay, bạch như sau:

- Con là Mỗ giáp, thanh tịnh, xin Thượng tọa ghi nhớ cho.

Nói như vậy ba lần, rồi đi. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Như vậy có được không?

Phật dạy:

- Gởi dục như thế là tốt, đã làm đúng pháp. Nhưng người không nhận dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là bị bệnh.

27. A-luyện-nhã:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã và trong thôn xóm thường làm Bố-tát chung. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã vào trong thôn Bố-tát xong, liền đi. Họ đi không bao lâu thì có Tỳ-kheo khách đến, lại cũng Bố-tát tại đó, rồi nghỉ đêm luôn ở đây. Sáng hôm sau, hai bên gặp nhau, liền hỏi:

- Đêm hôm qua Trưởng lão nghỉ ở đâu?

- Nghỉ tại đây.

- Thế còn Bố-tát tại đâu?

- Cũng tại đây.

Họ nghe thế, lòng sinh nghi, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép tại một chỗ mà Bố-tát hai lần. Nếu ở A-luyện-nhã vào trong thôn Bố-tát thì khi ra đi không được làm thỉnh mà phải dặn lại Sa-di, hoặc người làm vườn, hoặc kẻ chăn bò: “Nếu sau đó có Tỳ-kheo đến thì nói cho họ biết là ở đây đã làm Bố-tát rồi”. Nếu không có người, thì nên viết trên cột hoặc trên cánh cửa, hoặc rải hoa làm dấu. Người đến sau thì nên hỏi, tìm dấu vết. Nếu người ra đi không dặn dò, không làm dấu, còn người đến sau không hỏi, không tìm dấu vết thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là A-luyện-nhã.

28. Không nên gởi dục mà gởi:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập họp đúng lúc thì gởi dục yết-ma, tập họp phi thời thì gởi dục thanh tịnh. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép khi tập họp đúng thời thì gởi dục yết-ma, khi tập họp phi thời thì gởi dục thanh tịnh; trái lại, khi tập họp phi thời nên gởi dục yết-ma, khi tập họp đúng thời nên gởi dục thanh tịnh. Đồng thời khi tập họp đúng thời cũng có thể gởi cả hai loại

dục, nói như sau: “Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng Bối-tát - ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm - tôi là Tỳ-kheo Mồ giáp xin gọi dục Bối-tát thanh tịnh, mong Trưởng lão nói giúp cho tôi”. (Nói như vậy ba lần). Khi gọi dục yết-ma cũng nói ba lần. Nếu lúc tập họp phi thời mà gọi dục thanh tịnh, lúc tập họp đúng thời mà gọi dục yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là không nên gọi dục mà gọi.

29. Sông A-chi-la:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo đi đến gần sông A-chi-la trải tọa cụ ngồi tụng giới. Thế rồi, nước sông dâng lên dần dần đến đầu gối, rồi lên cao ngang miệng, khiến họ cực khổ tột độ. Sau đó, họ trở về chỗ Phật, đem sự việc trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn, rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Có thể đứng Bối-tát được không?

Phật dạy:

- Được. Được đi, đứng, ngồi, nằm Bối-tát.

Đi Bối-tát: Nếu Tỳ-kheo đi với khách buôn, đến ngày Bối-tát mà gặp đoạn đường nguy hiểm, khách buôn không dám chờ, thì được vừa đi vừa Bối-tát. Trước hết phải trừ tính xem đi đến chỗ nào mới tụng xong giới bản, hoặc dây núi, hoặc tảng đá, thì lấy đó làm tiêu xí, rồi đưa cánh tay ra chạm vào nhau làm yết-ma định cương giới Bối-tát. Khi làm yết-ma xong mới Bối-tát. Đó gọi là Bối-tát khi đi.

Đứng Bối-tát: Nếu Tỳ-kheo đông mà không có giường ghế để ngồi thì tất cả đứng đưa cánh tay ra chạm vào nhau mà Bối-tát. Đó gọi là đứng Bối-tát.

Ngồi Bối-tát: Có giường ghế dùng để ngồi Bối-tát. Đó gọi là ngồi Bối-tát.

Nằm Bối-tát: Nếu Tỳ-kheo già bệnh không thể ngồi lâu, mà giường kê sát bên nhau, thì có thể nằm Bối-tát. Đó gọi là nằm Bối-tát.

Tóm lại, đó gọi là sông A-chi-la.

30. Mười một trường hợp không được gọi là gọi dục:

a. Chuyển dục: Chẳng hạn nói: “Thưa Trưởng lão, trước đây tôi có nhận dục của Mồ giáp giờ xin chuyển lại Trưởng lão, gồm luôn cả dục của tôi”. Đó gọi là chuyển dục.

b. Gọi dục qua đêm: Chẳng hạn ngày mai mới Bối-tát mà hôm nay đã gọi dục. Đó gọi là gọi dục qua đêm.

c. Ở ngoài cương giới: Ra ngoài cương giới gọi dục. Đó gọi là ở ngoài cương giới.

- d. Tỳ-kheo-ni: Gởi dục cho Tỳ-kheo-ni. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni.
- e. Chứa thọ cụ túc: Gởi dục cho người chứa thọ cụ túc. Đó gọi là chứa thọ cụ túc.
- f. Nhận dục rồi ra đi: Nhận dục rồi ra khỏi cương giới. Đó gọi là nhận dục rồi ra đi.
- g. Gởi dục rồi ra đi: Gởi dục rồi ra khỏi cương giới. Đó gọi là gởi dục rồi ra đi.
- h. Nhận dục rồi trả giới: Nhận dục xong rồi trả lại giới Cụ túc đã thọ (hoàn tục). Đó gọi là nhận dục rồi trả giới.
- i. Gởi dục rồi trả giới: Gởi dục cho người khác rồi trả giới Cụ túc mà mình đã thọ. Đó gọi là gởi dục rồi trả giới.
- k. Mất dục: Tỳ-kheo bị bệnh gởi dục xong rồi, nghe trong Tăng có pháp sư thuyết pháp, luật sư giảng luật, liền thân hành đến nghe. Nhưng ngồi lâu mỗi mệt, liền lạng lẽ rời chỗ ngồi ra về, vì nghĩ rằng trước đây mình đã gởi dục rồi. Trường hợp này không thể gọi là gởi dục, phải gởi dục lại. Đó gọi là mất dục.
- j. Hủy hoại chúng: Đến ngày Bố-tát, Tỳ-kheo Tăng vân tập, các Tỳ-kheo không đến liền gởi dục thanh tịnh. Thế rồi, gặp mưa gió dữ dội, hoặc bị lửa cháy, giặc cướp, do vậy, các Tỳ-kheo kinh hoàng bỏ đi hết. Trường hợp này không thể gọi là mang dục đến trong Tăng. Nhưng nếu còn một người ngồi lại, thì được gọi là mang dục đến trong Tăng. Tóm lại, đó là mười một trường hợp không được gọi là gởi dục.

31. Bốn cách Bố-tát:

- a. Một người thọ.
- b. Hai người nói.
- c. Ba người nói.
- d. Bốn người tụng đầy đủ.
- a. *Một người thọ:* Khi một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm, đến ngày Bố-tát cần phải quét Tháp và Thiền viện của Tăng. Nếu có người khác đến, thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, đốt đèn, rải hoa, rồi chờ Tỳ-kheo khách. Nếu không ai đến mà mình có tội thì nên thầm nghĩ: “Khi nào gặp Tỳ-kheo thanh tịnh ta sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp”. Thầm nghĩ thế rồi, quỳ gối, chắp tay, tâm niệm miệng nói: “Hôm nay Tăng Bố-tát (Hoặc ngày thứ mười bốn, hoặc ngày thứ mười lăm), tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp thanh tịnh thọ Bố-tát”. (Nói như thế ba lần). Đó gọi là một người thọ.
- b. *Hai người nói:* Khi hai Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, đến ngày Bố-tát phải quét Tháp và Thiền viện của Tăng. Nếu có người đến thì nên

dùng nước thơm rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn. Nếu có tội thì phải sám hối lẫn nhau đúng pháp, rồi quỳ gối chấp tay, nói như sau: “Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng Bối-tát (Hoặc ngày thứ mười bốn, hoặc ngày thứ mười lăm), tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp thanh tịnh”. Đó gọi là hai người nói.

c. *Ba người nói*: Cũng như trường hợp hai người ở trên.

d. *Bốn người tụng đầy đủ*: Khi Bối-tát bốn người thì nên tụng đầy đủ giới bản. Đó gọi là tụng đầy đủ.

32. Bốn cách tụng giới:

a. Tụng từ bài tựa của giới cho đến hết bốn pháp Ba-la-di, (rồi nói) “Những vấn đề khác Tăng đã thường nghe”, đoạn, tụng kệ kết thúc.

b. Tụng từ đầu đến hết mười ba pháp Tăng tàn, hai pháp Bất định, (rồi nói) “Còn những giới khác như Tăng đã thường nghe”, đoạn, tụng kệ kết thúc.

c. Tụng từ đầu đến hết ba mươi pháp Ni-tát-kỳ, (rồi nói) “Còn những giới khác như Tăng đã thường nghe”, đoạn, tụng kệ kết thúc.

d. Tụng từ đầu đến chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, rồi tiếp tụng đầy đủ cho đến hết.

Đó gọi là bốn cách tụng.

33. Khi Bối-tát có bảy trường hợp nên ngăn cản:

a. Người không ở chung.

b. Người hành Biệt trụ.

c. Người chưa thọ cụ túc.

d. Chưa Thuyết dục.

đ. Chưa điếm danh.

e. Vì vấn đề hòa hợp.

g. Sự hòa hợp chưa hoàn toàn.

Đó gọi là bảy trường hợp nên ngăn cản khi Bối-tát.

34. Khi Bối-tát có hai trường hợp nên ngăn cản:

a. Nếu thực hiện Bối-tát thì Tăng sẽ tranh chấp nhau.

b. Tăng bị phá.

Đó gọi là hai trường hợp nên ngăn cản.

Tóm lại, trên đây là vấn đề Bối-tát, gởi dục và nhận dục.
